NỖI THƯƠNG MÌNH

(Trích Truyện Kiều “NGUYỄN DU)

1. Có một lời đánh giá mà khi nghiên cứu Nguyễn Du và Truyện Kiều ít ai không trích dẫn, đó là "Tố Như có con mắt nhìn xuyên sáu cõi, có tấm lòng nghĩ suốt nghìn đời"(Đào Nguyên Phổ). Con mắt và tấm lòng ấy đã khiến Nguyễn Du am hiểu bao mối bận tâm của cuộc nhân sinh, đồng cảm được sâu sắc với mọi nông nỗi của kiếp người, kể cả bậc thượng lưu cả những người dưới đáy, cả kẻ vinh hoa lẫn người xấu số. Trong những kẻ xấu số thuộc thế giới nhân vật của ông, phải kể đến những kĩ nữ. Thuý Kiều có lẽ là điển hình nhất. Nàng cũng từng trải qua những quãng đời kĩ nữ. Có thể nói, đó là những đoạn đen tối nhất của đời người con gái tài hoa bạc mệnh này. Không ngờ những tâm sự sâu kín trong quãng đời lầu xanh của một người con gái lại đã được Nguyễn Du thấu tỏ đến thế, và được diễn tả một cách hết sức thấm thìa và tinh vi đến thế. Đoạn trích Nổi thương mình chỉ là một trong những bằng chứng mà thôi.
2. Đoạn trích này có thể chia thành hai phần nhỏ : Phần một (gồm bốn câu đầu) khái quát về cuộc sống của Kiều ở chốn lầu xanh. Phần còn lại (gồm 16 câu) diễn tả nỗi thương mình của Thuý Kiều. Phần này lại có thể chia thành hai đoạn nhỏ hơn và đều nhau : tám câu trước là nỗi xót xa cho tấm thân ngà ngọc bị phí hoài, tám câu sau là nỗi buồn sầu vì tâm hồn không được chia sẻ, cảm thông.
* Đoạn một chỉ bốn câu thôi mà đã thâu tóm được khắp cả cuộc sống hoang đàng, thác loạn chốn lầu xanh :

Biết bao bướm lả ong lơi,

Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.

Dập dìu lá gió cành chim,

Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Trường Khanh.

Hãy chú ý đến tính điệp khúc trùm lên đoạn thơ này. Trước hết, về cách tổ chức, đoạn thơ bốn câu như do hai cặp lục bát điệp nhau mà thành. Từ nhịp thơ (ở câu lục đều 2-2-2 câu bát đều 4- 4) đến lối nói thành ngữ (câu luc trên : bướm lả ong lơi, câu lục dưới : lá gió cành chim), từ lời thơ mang tính kể lể khái quát (biết bao - dập dìu, dầy thúng - suốt đêm, sớm đưa - tối tìm) đến lối dùng tiểu đối ở hai câu bát : Cuộc say đầy tháng / trận cười suốt đêm " Sớm đưa Tống Ngọc / tối tìm Trường Khanh,... nhất nhất đều in hệt nhau. Hình thức ở cặp dưới lặp lại y nguyên cặp trên, chỉ có phần lời ở mỗi cặp thì khác nhau. Nó khiến cho đoạn thơ có dáng vẻ của một khúc thức với hai lời như trong ca khúc vậy. Điều này có hiệu quả ra sao ? Tính trùng điệp như thế đã giúp đoạn thơ gợi ra được một nhịp sống triền miên, ngày qua ngày lại, hôm sau cứ lặp lại hôm trước, hoan lạc đàng điếm lại tiếp nối đàng điếm hoan lạc. Nó cũng giúp thể hiện được nỗi ê chề ngao ngán trong giọng điệu thơ. Cứ đọc lên, qua âm vang của tất cả, có phải sẽ thấy toát ra từ đó một không khí giao đãi phù hoa, mộí nhịp sống truy hoan phù phiếm tràn ngập cả thời gian khòng ? Đó là lời của Nguyễn Du nói về cảnh sống chốn lầu xanh hay chính là lời Thuý Kiều đang nói về cuộc sống gái lầu xanh của mình ? Thât khó mà tách bạch. Có lẽ Tố Như đã nhập vào nàng Kiều mà cất lên những lời ấy.

* Nỗi thương mình đã ẩn hiện đâu đó trong giọng điệu ê chề của đoạn đầu. Nhưng nó chỉ thực sự xót xa khi bước vào đoạn hai. Từ đây, lời thơ dường như chỉ còn là lời độc thoại nội tâm của Kiều. Những lời độc thoại càng lúc càng xoáy sâu vào can tràng. Lời nào cũng đay đả, dằn vặt, đầy thương thân xót phận, cất lên từ một tâm tư khôn nguôi khao khát nhân phẩm tiết sạch giá trong. Trước tiên là xót xa cho tấm thân ngà ngọc mình hằng gìn vàng giữ ngọc bấy chầy, giờ đây bị ô nhục bởi mưa Sở mây Tần của khách làng chơi :

Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,

Giật mình, mình lại thương mình xót xa.

Khi sao phong gấm rủ là,

Giờ sao tan tác như hoa giữa đường ?

Mặt sao dày gió dạn sương,

Thân sao bướm chán ong chường bấy thân !

Mặc người mưa sở, mây Tần,

Những mình nào biết có xuân là gì.

Cặp câu bắt vào đoạn này thật ấn tượng.

Nhiều người đã nói về đặc sắc của Nguyễn Du khi thể hiện tâm trạng xót xa của Thuý Kiều qua việc dùng tới ba chữ "mình" trong câu bát. Đó quả là một nét thần tình của ngòi bút Nguyễn Du. Tuy nhiên, nếu chỉ có yếu tố lặp không thôi thì chưa đủ thành hiệu quả đến thế. Tôi muốn nói thêm về nhịp điệu ở cặp lục bát này. Đúng hơn, là sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa nhịp điệu, thủ pháp trùng điệp, biện pháp tiểu đối với nội duns cảm xúc của nhân vật Thuý Kiều. Nếu ở đoạn đầu, tiểu đối đéu nằm ớ câu bát, thì ở đây bất ngờ thay đổi, tiểu đối nằm ngay ở câu lục : "Khi tỉnh rượu / lúc tàn canh". Nhịp 3/3 cũng là một bất ngờ so với các câu lục trước. Vì thế, càu lục này như một cú đảo phách. Cú đảo phách bất chợt thể hiện cái giật mình đau xót của Thuý Kiều khi canh tàn rượu tỉnh. Song, điều đáng nói chưa phải ở riêng câu lục. Đáng nói là sự ăn nhập lạ lùng giữa câu lục với câu bát. Nếu nhịp 3/3 vừa gợi cái đột nhiên sực tỉnh, thì sang càu bát, nhịp 2/4/2 cùng với chữ "mình" được điệp lại tới ba lần và từng chữ đều rơi vào đúng những điểm nhấn ngữ điệu, lại gợi ra được một cõi lòng không nguôi ngoai. Lời thơ cứ đay đi đay lại như nỗi vật vã chua xót vẫn hằng ngày dằn vặt lòng Kiều : "Giật mình / mình lại thương mình / xót xa". Nhờ thế, cặp câu nàv đã cô đúc được toàn bộ đời sống tinh thần đầy đau xót suốt quãng đời lầu xanh dằng dặc của Thuý Kiều.

Tiếp đó, cõi lòng đầy dằn vặt của nàng được hiện ra cụ thể bằng hàng loạt những lời tra vấn : "Khi sao phong gầm ni lả - Giờ sao tan tác như hoa giữa đường - Mặt sao dày gió dạn sương - Thân sao bướm chán ong chường bấy thân !". Nàng đối chiếu hiện tại bùn nhơ với quá khứ trinh bạch mà đau đớn xót xa. Trước hoa tiên phong rshuỵ là thế, lá ngọc cành vàng là thế, mà bây giờ thì tan tác như hoa giữa đường. Trước gìn vàng giữ ngọc là thế, dín gió e sương là thế, mà bây giờ thì dày gió dạn sương, bướm chán ong chường. Bị cuộc đời ò trọc vầy vọc giày vò, tấm thân ngọc ngà đã bụi lầm nhơ nhuốc. Với một người con gái biết quý trọng nhân phẩm, thiết tha với tiết sạch giá trong, thì hiện lại ấy đau đớn biết nhường nào ! Bốn câu thơ đều mở đầu bằng những lời tra vấn : Khi sao... Giờ sao... Mặt sao... Thân sao... Có lẽ nó không còn là một điệp khúc dai dẳng đay đả nữa mà mỗi lời ấy cất lên khác nào như một nhát dao cứa vào tâm can trong trắng của nàng. Nhưng càng đau thì càng trong. Nỗi đau xót cho thấy niềm khát khao phẩm giá, ý thức về một nhân cách trong sạch vẫn nguyên vẹn trong nàng. Càng xót xa, càng cao quý. Càng thương thân, càng đáng trọng. Phải lăn lóc qua những cuộc truy hoan trác táng với "Biết bao bướm lả ong lơi", với nhũng "Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm", tấm thán trắng trinh không tránh khỏi hoen ố, nhưng ô trọc không làm vẩn đục được thiên lương của nàng, bùn bả lầu xanh không vấy được tâm hồn cao khiết của nàng. Chí có tâm hồn ấy mới biết rõ mình : thân bị đày giữa lầu xanh mà lòng hoàn toàn chối bỏ lầu xanh. Vì thế, bị vùi trong dục lạc, Kiều vẫn chỉ dửng dưng : "Mặc người mưa Sà, mây Tần - Những mình nào biết có xuân là gì".

Phải nhận rằng lời thơ ở đây đầy khuôn sáo ước lệ, rất điển hình cho thơ ca trung đại. Chất liệu ngôn ngữ ấy không phải không ít nhiều cản trở đến tiếp nhận của người đọc hiện đại. Nhưng, lại phải nhận rằng : nếu không có những cụm thành ngữ, những điển tích, những lối nói ước lệ như bướm lả ong lơi, lá gió cành chim, phong gấm rủ là, dày gió dạn sương, bướm chán ong chường, mưa Sở mây Tần, xuân,... ấy thì Nguyễn Du khó mà đạt được sự tế nhị đến thế, khi phải diễn tả những điều khó nói đến thế về thân xác và nhân phẩm của một người con gái dễ tổn thương như Thuỷ Kiều. Bởi vậy, việc sử dụng nhuần nhuyễn những chất liệu ngôn ngữ này lại cũng chính là một nét thần tình của ngòi bút Nguyễn Du.

Không chỉ thương thân mình, Kiều còn thương cho cả chính lòng mình. Thương không chỉ bởi lòng mình chồng chất những buồn sầu mà sâu xa hơn, thương vì tâm hồn mình phải lạc loài, lạc lõng, đơn côi giữa một chốn phù hoa ngỡ đầy rẫy riiềm vui, giữa một trường du hí ngỡ ngập ngụa hoan lạc. Một người biết thương xót mình đến vậy là một người có ý thức cá nhân rất cao, nhất là ý thức về giá trị và nhân phẩm của mình :

Đồi phen gió tựa hoa kề,

Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu.

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ?

Đòi phen nét vẽ, câu thơ,

Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa.

Vui là vui gượng kẻo là,

Ai tri âm đó mặn mà vói ai ?

Sinh hoạt chốn lầu xanh kể cũng phong lưu đấy chứ ! Bốn mùa lúc nào chẳng có đủ tuyết nguyệt phong hoa : "Đòi phen gió tựa hoa kề, - Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu" ! Thú tiêu dao lúc nào chẳng có đủ cầm kì thi hoạ : "Đòi phen nét vẽ, câu thơ - Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa" ! Một cô gái tài sắc sẽ có biết bao cơ hội mà phô sắc khoe tài thoả lòng thoả nguyện, cớ sao lại không vui, lúc nào cũng chỉ sầu, nhìn đâu cũng chỉ buồn, tháng ngày chỉ có vui gượng vui gạo ? Đúng là thế giới lầu xanh có đủ tất tật mọi thứ có thể làm vui lòng những kẻ hời hợt bọt bèo. Chắc cũng không ít người đã vào hùa với những thú vui phù hư hoang đàng ấy. Nhưng, người con gái này lại là Thuý Kiều. Tài sắc hơn đời lại cũng tình nghĩa thuỷ chung ; tình tứ tuyệt vời lại cũng đoan trang nhất mực ; giàu lòng vị tha thông cảm lại cũng coi trọng phẩm giá bản thân. Một nhân cách cao khiết như vậy làm sao có thể hoà đồng thực sự với thứ hoan lạc bán mua, thứ phong lưu giả dạng, thứ giao đãi làng chơi đó được. Không thể cưỡng lại, đành phải cầm lòng, chứ còn biết làm sao ! Kiều đâu có vui vẻ gì ! Vì thế, ngập giữa bao vui thú mà lòng vẫn đơn côi : "Vui là vui gượng kẻo là - Ai tri ám đó mặn mà với ai ?" Giữa đám đông, Kiều cô độc. Sau bao những Đòi phen... - Đòi phen..., Kiều vẫn thèm khát một tri âm. Kiều hoàn toàn dị ứng với toàn bộ thế giới ấy. Ta hiểu vì sao, đối lập đã trở thành biện pháp nghệ thuật bao trùm chi phối cách tổ chức toàn bộ đoạn trích đặc sắc này : xung quanh lao vào thác loạn - riêng nàng trăn trở xót xa ; xung quanh mài miệt tmy hoan - riêng nàng "chẳng biết có xuân là gì" ; xung quanh vui - riêng nàng buồn ; xung quanh thản nhiên đánh mất mình - riêng nàng da diết xót thương mình,,..

Có thể nói, hoá thân sâu sắc vào đời sống tinh thần Thuý Kiều, Nguyễn Du không chỉ nắm bắt được những diễn biến tinh vi thuộc về cá nhân người con gái tài hoa mà bất hạnh này. Ong còn đúc rút được nhiều quy luật tâm lí phố biến. Ay là quy luật về mối tương quan giữa con người và cảnh vật:

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ?

Con người với cảnh vật xung quanh là thống nhất với nhau Cả hai bao giờ cũng mang chung một tâm trạng. Không phải vì cảnh vật có khả năng chia sẻ với con người, trái lại, vì con người san sẻ lòng mình sang cảnh vật. Tâm lí học và mĩ học hiện đại gọi đó là hiện tượng di tình. Còn văn hoá học gọi đó là hiện tượng nhân hoá. Con người bao giờ cũng đồng hoá cảnh vật xung quanh theo cảm xúc của mình. Vì thế, người vui thì cảnh cũng vui, người buồn cảnh cũng lây buổn. Từ thế kỉ XVIII, bằng sự tinh anh của mình, Nguyễn Du đã sớm khái quát được một quy luật quý giá. Và, ở câu cuối của đoạn thơ dường như cũng manh nha một quy luật nữa. Quy luật về mối tương quan giữa cá thể và đám đông :

Vui là vui gượng kẻo là,

Ai tri âm đó mặn mà với ai ?

Nói manh nha vì câu thơ không được viết theo lối khái quát, lời thơ không phải là nhận định mang tính tất yếu. Nhưng nó vẫn chứa đựng những phát biểu ít nhiều có màu sắc quy luật. Cái vui gượng Kiều dành cho đám đông, nỗi đơn côi riêng lòng nàng giữ kín. Giữa đám đông, con người vẫn rất cô đơn. Trong cuộc vui chung, vẫn có những nỗi buồn riêng. Tất cả đều do niềm đồng cảm, do lòng tri âm. Được đồng cảm, cảnh vật cũng thành bầu bạn. Thiếu đồng cảm, thì giữa đám người cùng hội vẫn cứ thấy cô đơn. Đó chẳng phải là những quy luật nhân sinh thực sự hay sao ?

Hẳn là không quá lời khi nói rằng : Nguyễn Du đã viết những dòng thơ này không chỉ bằng ngòi bút của một nghệ sĩ tài hoa, một nhà nhân đạo lớn mà còn bằng sự quan sát tinh anh của một nhà tâm lí bậc thầy.